

Tư tưởng chính trị và xã hội của Ngô Thì Nhậm

Hoàng Thị Thơ¹, Trần Thị Thúy Ngọc¹

¹ Viện Triết học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Email: hopminhtho@yahoo.com

Nhận ngày 22 tháng 9 năm 2017. Chấp nhận đăng ngày 16 tháng 10 năm 2017.

Tóm tắt: Ngoài những vấn đề siêu hình học trừu tượng, thiết lập nên nguyên tắc trật tự cho vũ trụ nhân sinh như Sắc, Không, Lý, Dục, “Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh” còn mang tới quan niệm nhập thế của Thiền Phật giáo theo phong cách mới của Nho giáo. Những tư tưởng về chính trị, xã hội thể hiện trong tác phẩm Thiền học rất độc đáo. “Tân thanh” là tiếng nói mới của nhà Thiền dòng Trúc Lâm đề xướng một lối tu hành “đắc đạo” theo khuynh hướng: ở góc độ cá nhân là tu tâm dưỡng tính của nhà nho; ở góc độ xã hội, là dẫn thân nhập thế để trị quốc, thực hiện “công nghiệp trị bình” cứu độ chúng sinh, và cũng chính là con đường hướng tới Niết bàn, giải thoát cho nhân quần khỏi khổ đau. Tựu trung lại, con đường làm Phật không sai khác với con đường vươn tới Thánh nhân của Nho gia. Trong tương quan Nho - Phật, các vấn đề chính trị nhân sinh của Nho gia được bổ sung thêm chiều sâu và những sắc thái mới mẻ, phong phú khi được soi chiếu qua góc nhìn bản thể luận và nhận thức luận của Thiền Phật giáo.

Từ khóa: Thiền Trúc Lâm, Nho gia, Phật giáo, nhập thế.

Phân loại ngành: Triết học

Abstract: In addition to the abstract metaphysical issues that form the order and principles for the outlooks on the world and humans, namely Reality, Emptiness, Rationale, Desire, the “Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh” (the Original Sound of the Tenets of Truc Lam Zen) also brought about the concept of Engaged Zen Buddhism in a new style of Confucianism. The political and social ideas expressed in the work of Zen Buddhism are very unique. “The new sound” is a new voice of Truc Lam Zen that advocates the practicing of the religion to achieve the Way, which is, from the personal aspect, it is the mental training of the Confucian while, from a social perspective, it is an attempt to be engaged in the secular life and save the country and redeem the sentient beings. It is also the way to Nirvana which liberates people from sufferings. In a nutshell, the path towards Buddha is similar to that towards the saints of Confucianism. In the interactive exchange of Confucianism and Buddhism, the issues of the former on politics and humans are supplemented with new nuances to be more in-depth when reflected in the epistemological perspectives of Buddhist Zen.

Keywords: Truc Lam Zen, Confucianism, Buddhism, engaged in life.

Subject classification: Philosophy

1. Mở đầu

Ngô Thì Nhậm (1746-1802) sau khi đi sứ nhà Thanh cầu phong cho Quang Toản trở về năm 1793, không còn được tin dùng như dưới thời Quang Trung, mặc dù ông vẫn giữ trọng trách về ngoại giao, nhưng công việc thừa dần, đôi khi mới được vời vào triều cận vua Quang Toản tại Kinh đô Phú Xuân, xong việc lại trở về Bắc thành. Chính trong cảnh nửa ở nửa về ấy (từ 1789-1800), Ngô Thì Nhậm lập ra Thiền viện tại phường Bích Câu ở phía tây nam thành Thăng Long, tu theo Thiền tông đời Trần, đặt tên là Trúc Lâm Thiền viện, tôn 3 vị tổ của phái Trúc Lâm làm tổ, viết kinh *Viên giác* (tên đầy đủ là *Đại Chân Viên giác thanh*, viết xong khoảng trước năm 1796). Trong tác phẩm này, phần kinh do Ngô Thì Nhậm sáng tác. Ngay sau khi lập Thiền viện, Ngô Thì Nhậm tập hợp được một số người như hòa thượng Hải Âu, tăng Hải Hòa (Nguyễn Đăng Sở) và Ngô Thì Hoàng, em trai thứ 4 của mình tới trụ trì, cùng một số chức sắc dưới triều nhà Lê cũ hiện không còn đặc dụng cũng hay lui tới Thiền viện. *Đại Chân Viên giác thanh* có thể coi như chuyên luận triết học đầu tiên, cũng là tác phẩm lớn cuối cùng mà Ngô Thì Nhậm để lại trong sự nghiệp trước tác của mình.

Trong *Đại Chân Viên giác thanh*, Ngô Thì Hoàng làm lời dẫn cho kinh (Thanh dẫn), Hòa thượng Hải Âu và tăng Hải Hòa làm nhiệm vụ chú giải thêm cho rõ (Thanh chú), Bạch Túc đệ tử Hải Điền làm nhiệm

vụ tóm tắt ý chính của từng thanh (Thanh khẩu). Vì theo Trúc Lâm nhà Trần nên sách đưa thêm: Ngũ lục và bài kệ của 4 vị tổ; Hình vẽ 24 thanh phối với 24 tiết khí; Tượng của 24 thanh tương ứng với 24 vị Bồ tát; *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh tông*; Tam tổ hành trạng; *Đại chân Viên giác thanh tiểu khẩu*. Như vậy, nội dung của tập sách đã mở rộng hơn nhiều, trở thành *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh*.

“Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh” được biên soạn dưới dạng công án của Thiền tông. Ngô Thì Nhậm muốn chủ trương hội nhập Tam giáo, đem những sở học được đào tạo bài bản về Nho giáo làm nhân quan kiến giải về Phật giáo. Điều này cũng khó tránh khỏi khi các nhân vật chính của Trúc Lâm Thiền viện đều có nguồn gốc xuất thân nhà nho với kiến thức được trang bị chủ yếu về Nho học. Ngô Thì Hoàng đã nhận định về tông chỉ của “Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh”: “Đem Nho và Thích đức lại làm một, đó là chỗ tâm đắc và nhất quán của Đại Thiền sư” [3, t.5, tr.272], Phan Huy Ích trong lời đề tựa cho rằng: “Những luận thuyết Tận tính nhi cùng lý, Khu Thích dĩ nhập Nho của ông đã khiến cho Bát bộ Phạn vương (Phật) không vượt ra ngoài ngôi nhà và bức tường của Tổ vương (Khổng Tử)... Tân thanh này chính là cái thanh âm đứng đầu để diu dặt Đạo lớn, hẳn không thể sánh với kẻ mù quáng hời hợt” [3, t.5, tr.38].

Ngô Thì Nhậm và các bạn đồng liêu đã xác lập nên một thứ Thiền tông nhập thế, không chú trọng vào câu từ khó hiểu mà cốt

diễn giải những ý tứ sâu xa của Phật giáo qua những khái niệm, ngôn từ sáng rõ, cụ thể và gần gũi của Nho giáo. Qua đó, Phật giáo có thể tiếp cận với cuộc sống một cách bình dị. Nhìn ở một góc độ nào đó, mang Nho giáo ra diễn giải Phật giáo cũng là một cách để phát huy tính nhập thế của Thiền Phật giáo. Một trong những biểu hiện của sự nhập thế là trong tác phẩm Thiền học, những vấn đề chính trị, xã hội, nhân sinh lại được đặc biệt chú trọng và chiếm phần lớn nội dung bàn luận giữa thầy trò Hải Lượng thiền sư. Bài viết này chỉ ra một số nét chính về tư tưởng chính trị và xã hội của Ngô Thì Nhậm được thể hiện trong tác phẩm “Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh”.

2. Tư tưởng về mẫu hình con người lý tưởng

Có lẽ cảm hứng để Ngô Thì Nhậm và nhóm đạo hữu sáng tạo Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh và tự tôn xưng Hải Lượng thiền sư làm đệ tử tổ Trúc Lâm chính là vị sơ tổ Trúc Lâm Trần Nhân Tông, nhân vật là sự kết hợp giữa đỉnh cao của Đời (vị vua ba lần cầm quân đại thắng quân Nguyên) với Đạo (pháp chủ đầu tiên của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, sáng lập nên Thiền phái Trúc Lâm và trở thành hình mẫu con người lý tưởng trong quan niệm chính trị, xã hội của nhóm Hải Lượng).

Chúng ta hãy xem những mô tả về họ: “Đại phạm người làm chủ thiên hạ hay làm chủ một nước, có cái lực để làm hết thầy, cái thế để làm hết thầy, mà lại có cái nhìn bình đẳng, biết trị thất tình, biết tu thập nghĩa, khơi nên những điều tiện lợi, trừ khử những điều có hại, ơn huệ bao la, xa mấy cũng đến, không xuống đến bậc thêm mà

giáo hóa bay khắp như thần. Như thế tức là Vô lượng lực bồ tát, Đại thế chí Bồ tát, nào phải xuất gia?” [3, t.5, tr.226]. Phái Thiền của nhóm Hải Lượng phản đối chuyện xuất gia lánh đời, mà hướng đến cổ vũ con người dân thân nhập cuộc, vì xã hội quần sinh. Tinh thần từ bi bình đẳng và Bồ tát đạo của Phật giáo được hiện thân rất cụ thể qua những nhân vật “nội thánh ngoại vương” của Nho gia “biết tu thập nghĩa², khơi điều tiện lợi, trừ khử những điều có hại, ơn huệ bao la, xa mấy cũng đến, không xuống đến bậc thêm mà giáo hóa bay khắp như thần”.

Vua của một nước, nếu biết tu dưỡng chân chính, có khả năng cứu tế chúng sinh, đây chính là hiện thân của Phật, biểu trưng của việc thi hành Bồ tát đạo. Trong lịch sử Việt Nam có một nhân vật đạt tới tầm mức kết hợp Nho Phật như thế. Hải Hòa tăng minh chứng: “Người ta thấy Điều Ngự đệ nhất tổ, đến ở chùa Hoa Yên thì bảo là ngài xuất gia, nào hay tổ ta lúc bấy giờ biết coi thiên hạ là công. Trong nước vô sự, nhưng ở phía bắc vẫn có nước láng giềng lớn mạnh, chưa được an tâm. Cái ý ấy là không tiện nói rõ, sợ người dao động. Cho nên nhằm được ngọn núi Yên Tử là ngọn núi cao nhất, phía đông nhìn về Yên Quảng, phía bắc liếc sang Nhị Lạng, dựng lên ngôi chùa, thời thường dạo chơi, để xem động tĩnh, cốt để ngừa cái mối lo nước ngoài xâm phạm, thật là một vị Vô Lượng Lực Đại Thế Chí Bồ tát. Lúc bấy giờ chỉ có Huyền Quang tôn giả biết được ý ấy, bỏ cái cao sang của một vị trạng nguyên sớm chiều đi theo ngài để hoàn thành cái ý nguyện của ngài, thật là một vị Vô Lượng Kiến Thức Đại Bồ tát” [3, t.5, tr.226].

Ba vị Tổ của Thiền phái Trúc Lâm trở thành những vị tu hành luôn đau đáu với xã

hội nhân sinh. Họ có những phẩm chất gì để có thể vừa hoàn thành được việc đời, vừa tu được việc đạo? Quan niệm Tâm là bản chất thế giới, là nguồn gốc của vạn vật của *Kinh Hoa Nghiêm* được thể hiện trong bài kệ: “Nếu ai muốn biết rõ, tất cả các Phật trong ba đời, thì phải thấy rõ thật tính của pháp giới, tất cả đều do tâm tạo ra” [8]. Khẳng định Phật tại Tâm cũng nhấn mạnh tới năng lực tự lực, tự chủ, tự giải thoát của con người, không mong cầu tha lực. Từ cách nghĩ đó, Hải Lượng phủ nhận sự sắp đặt của ý trời và đặt niềm tin vào khả năng làm chủ vận mệnh, làm chủ thế giới của con người: “Ý trời không chắc, ý người mới thật là chắc! Ý có thể nảy sinh ra kiến (sự thấy)” [3, t.5, tr.350].

Tâm còn có một ý nghĩa nữa là “tịch diệt”. Tịch diệt trong kinh điển Phật giáo chỉ cho cái chết an lạc, tức là chỉ cảnh giới Niết bàn hoàn toàn thanh tịnh và vắng lặng. Thiền sư Quảng Nghiêm của Việt Nam thế kỉ XII từng bàn về tịch diệt: “Ly tịch phương ngôn tịch diệt khứ/ Sinh vô sinh hậu thuyết vô sinh” (Vượt ngoài sống chết mới có thể nói về được tịch diệt/ Đạt đến cảnh giới vô sinh rồi hãy nói về vô sinh). Còn “tịch diệt” được nhóm Hải Lượng hiểu là lòng dục của con người được dập tắt, “tính trời” hiển lộ. Hải Hòa tăng bàn về vấn đề này: “Mắt nhắm, lòng tắt, ngồi ngay không động đây, đó là lúc nhà sư ta nhập định. Có vật cũng không thấy, có tiếng cũng không nghe, là do cái tình đã được yên định mà cái tính cũng được sáng tỏ. Lại vì cái tính đã được sáng tỏ mà cái tình cũng được yên định, đó là công phu của lặng lẽ dập đi (tịch diệt) vậy... Lòng dục được dập đi thì lẽ trời khơi động, ý riêng được dập đi thì bản tính chân thực dấy lên. Quả thật nếu làm cho lòng dục và ý riêng hết thấy sạch

làu, thì cái tính vốn có của ta sẽ lộ ra, ta sẽ tỏ rõ được cái tâm của chính mình, thấy rõ được cái tính của chính mình, muôn sự muôn vật trong thế gian ta sẽ xem là bình đẳng; không ham gì ở thanh, không luyến gì ở sắc, cũng không sợ gì ở uy, như thế thì chuông trống gấm vóc, thiên binh vạn mã ở đằng trước, có can dự gì tới ta đâu! Chính vì biết lắng xuống cho nên có sức hư không, chính vì có sức hư không, nên có mà cũng xem như không có vậy” [3, t.5, tr.250].

Tại đây chúng ta thấy không chỉ có bóng dáng của tinh thần “vô tất, vô cố” của Khổng Tử; mà còn có “khí hạo nhiên” không sợ quyền uy, không tham đắm danh lợi đường hoàng của Mạnh Tử; chủ trương “tôn thiên lý, diệt nhân dục” của Lý học Tống Minh. So với Hải Lượng Thiền sư và Hải Âu hòa thượng, có lẽ tăng Hải Hòa là nhân vật tích cực hơn cả trong việc dùng các khái niệm, chuẩn mực tu dưỡng đạo đức của Nho gia làm phương tiện để truyền tải tinh thần Phật giáo. Dưới góc nhìn thực tiễn sinh động, nhóm Hải Lượng đã chỉ ra tác dụng quan trọng của chữ tịch là tâm luôn an ổn, bình tĩnh và lặng lẽ không bị ngoại cảnh chi phối, không để tham dục mê hoặc. Tịch là tiền đề để ngộ nhập chân như Phật tính, đạt đến giải thoát mà tịch cũng là yếu tố cơ bản của tu dưỡng tâm tính Nho gia vốn đề cao.

Trong “Trác thanh”, “Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh” đã nhấn mạnh thêm năng lực xoay chuyển càn khôn của con người: “Có hay không có, không phải không do định mệnh, và chẳng qua là sự báo ứng nhân duyên kiếp trước mà thôi... Nhưng biết được cái mà người ta nhận được ở trời là mệnh, mà cao sĩ lại chế tác được mệnh, thì người đã thắng được trời. Cái mà đời trước

chuyển cho đời sau gọi là kiếp, mà đại sĩ lại hóa được kiếp, thì cái sau phản lại cái trước. Giác Hoàng bỏ cái giàu sang phú quý, Chuyết Công bỏ cái nghèo hèn bần tiện, cho nên thành Phật” [3, t.6, tr.263-264]. Những con người đặc biệt, “những bậc đại lực lượng” thì không tuân theo định mệnh mà chế tác ra được mệnh, thắng ý trời.

Sự thống nhất về tư tưởng, mục đích của cả hai phái Nho Phật được nhóm Hải Hòa nhấn mạnh lần nữa trong Nhất thanh: “Thích gia tu hành thành Phật, cũng như Nho gia học mà làm Thánh. Từ khi trời sinh ra người cho đến nay, chưa có ai bằng Khổng Tử, mà trên trời, dưới trời, không có ai bằng Phật. Thuyết lý của đạo Nho có vết tích rõ ràng, cho nên nói Hoàng đế Vương Bá là nói đến sự biến đổi của thời thế. Thuyết lý của đạo Phật giấu kín trong cái vô hình, cho nên nói Thánh thần ma quỷ là nói cho rõ con đường đi” [3, t.5, tr.274].

Phật giữa đời thường chính là Thánh nhân, còn Thánh nhân khi xuất thế, tịch diệt sẽ trở thành Phật, đây là những con người xuất hiện để hoàn thành sứ mệnh ‘tế độ chúng sinh’, “không coi thường cái chết”, khi đã hoàn thành sứ mệnh thì sẵn sàng buông xả, “chế tác mệnh”, “chuyển hóa kiếp”, những con người ý thức cao về trách nhiệm với xã hội nhân quần và có đủ sức mạnh để xoay chuyển lịch sử.

Từ cảm hứng trực tiếp về ba vị Tổ Trúc Lâm, “Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh” khẳng định những biểu tượng của Đạo Phật và Đạo Nho - Đức Phật hay Khổng Tử đều là những bậc “cứu nhân độ thế”, quản lý việc thế sự ở các cấp độ khác nhau khi cho rằng: “Bậc đại lực lượng, thấy được cái ẩn để chủ trương,... Phật quý trì quốc chứ không quý trị quốc... Nếu không phải đại

lực lượng như Thích Ca Mâu Ni Phật thì không trị (quốc) được, mà vẫn phải dùng đến trị để trị (quốc). Nên Khổng Tử lấy Nghiêu Thuấn Vũ Thang Văn Vũ làm sự nghiệp hàng đầu”. Trong “Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh” cũng có Phật, nhưng là Phật hành sự trong thực tiễn, biết trị quốc trị quốc; hình tượng của Trúc Lâm tam tổ là biểu tượng, rất giản dị, thực tế, không “hiển hiện sự quái dị để kinh hãi người”, chỉ dùng “ngôn ngữ đạo lý để giác ngộ người đời, không lộ liễu ở hành sự mà cố nói năng thì cũng cao xa rộng thoáng, đáng được nhà Thiên học suy tôn làm tổ” (Hưởng thanh). Phật đã được cả Nho chung đúc vào làm một, vừa gần gũi, thân thuộc, vừa mạnh mẽ tích cực.

3. Tư tưởng về đạo trị nước

Trong giáo lý Phật giáo triết lý vô thường được diễn tả qua bốn giai đoạn sinh, trụ, dị, diệt của vạn vật, và đối với con người, nó được cụ thể hóa thành quy luật sinh, lão, bệnh, tử. Nhưng trong “Đại chân Viên giác thanh”, triết lý vô thường, lẽ sinh và diệt lại mang sắc thái chính trị, xã hội rõ nét khi được luận giải như sau: “Chúng sinh chìm đắm trong bể khổ, sao nữ chẳng sinh ra? Công lao đã trọn vẹn, thì tiếc gì mà không chịu để mất đi? Mất đi là trở về với chân lý vĩnh hằng, vạn lần biến hóa đều ở trong lặng lẽ, nhưng cái thần của nó thì càng không thể không ở khắp mọi nơi, như thế sao có thể coi sự mất đi là không còn gì? Phật nói “Không sinh ra, không mất đi” là nói về cái thể của Đạo. Cũng như nói: “Thánh nhân chưa sinh thì đạo ở trong trời đất, Thánh nhân đã sinh ra rồi thì Đạo ở

Thánh nhân, Thánh nhân mất đi thì Đạo ở trong Lục kinh”. Đạo không có thêm có bớt, tức là nói “không sinh ra, không mất đi” vậy [3, t.5, tr.161].

Về mặt hiện tượng của quy luật vô thường, rõ ràng là vạn vật có sinh, có diệt; nhưng thực chất vạn vật vốn không sinh, không diệt, mà chỉ chuyển từ hình thức này sang hình thức khác. Do vậy, nói bất sinh, bất diệt là nói chân tướng, bản thể của mọi sự vật, hiện tượng; còn nói có sinh, có diệt là về hình tướng của vạn vật. Đó chính là tư tưởng Không có nguồn gốc từ câu kệ: “Thị chư pháp không tướng, bất sinh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh, bất tăng, bất giảm” (trong *Bát nhã Tâm kinh*). Các tác giả “Đại chân Viên giác thanh” đã giải thích bằng hình tượng dễ hiểu hơn nữa là tinh thần từ bi và công đức viên mãn của chư Phật Bồ tát; đó cũng là sự tiếp nối của Đạo không ngừng nghỉ qua các trạng thái khác nhau, cái dụng của Đạo biến chuyển không ngừng nghỉ, từ trời đất, Thánh nhân, tới kinh điển sách vở. Cách diễn đạt như vậy cho thấy Thiền chính là thể của Đạo, còn Nho là phần dụng của Đạo, làm cho Đạo được sáng tỏ và lưu truyền mãi.

Phần “Ẩn thanh” này cho thấy, Đạo vừa có tinh thần dẫn thân của Nho gia, vừa có tinh thần hỉ xả, phá chấp của Phật gia, lại vừa có bóng dáng Tinh - Khí - Thần hội nhập của Đạo gia hòa hợp. Mà Nho gia ở đây đóng vai trò như phần dụng, tức cái thể hiện ra ngoài của Đạo, còn phần ẩn đi do Phật gia nắm giữ. Vậy, Đạo đó là gì? Hiểu theo tinh thần Phật giáo, nó là đạo tế độ chúng sinh; còn dưới góc độ Nho gia, nó trở thành Đạo trị quốc. Bởi vì Đạo chỉ thể hiện ra ở Thánh nhân và Lục kinh, nghĩa là chỉ ở những bậc có khả năng lớn, lãnh đạo nhân quần và các kinh điển mà họ học hỏi.

Trong “Minh thanh”, ông khẳng định: “Giáo huấn của Phật là gì? Xin nói rằng nó ở trong chữ Tâm” [3, t.5, tr.320-321]. Việc đề cao chữ Tâm cũng đồng nhất với Thiền tông coi “chỉ vật truyền Tâm” làm cứu cánh. Chữ Thiền, không chỉ mang ý nghĩa là Thiền định, Thiền (禪) trong tiếng Hán còn có một âm đọc là “thiện”, tức nghĩa trao truyền. Hải Lượng Thiền sư đã sáng tạo nên sắc thái mới cho Thiền là sự trao truyền cái Tâm tĩnh định. “Ngày nay tất cả chúng tăng của ta, hễ thấy tĩnh tọa, tức tâm thì bảo là thiền định, rồi truyền dạy cho nhau rằng thiền định là an định, như thế là làm mất hẳn cái ý nghĩa của chữ thiền. Chỉ từ sau khi đại thiền sư phát minh ra, mới biết thiền định là truyền thụ cho nhau cái tâm tĩnh định” [3, t.5, tr.283-284]. Chữ Thiền này, còn có một âm đọc là thiện trong nghĩa “thiện nhượng”, tức trao truyền ngôi vị, khi vua truyền ngôi cho thế tử để lên chức thái thượng hoàng sẽ được gọi là “thiện nhượng”. Tại đây, việc trao truyền giữa những bậc cai trị xã hội cho nhau không phải là ngai vàng, chức tước, mà là trao cái Tâm tĩnh định, trao cái Đạo trị nước không bao giờ diệt.

Cái Đạo này được Hải Hòa tăng làm rõ thêm qua triết lý nhân quả của Phật giáo như sau: “Điều Ngự Giác hoàng sang sông đánh tan quân Nguyên, làm vua một nước mà không đoái hoài quyền vị. Dưới một bậc thì có Pháp Loa thiền sư, đáng được hưởng phúc thanh nhàn, thế mà chăm việc giới hạnh, không tận hưởng phúc thanh nhàn. Các bậc ấy đều có công làm sáng tỏ giáo lý mà vẫn để chỗ thừa, không kể hết công mình, đạo cao đức thịnh, đều chưa dễ ai kịp được” [3, t.5, tr.401], “Nhân làm việc đó, quả có báo đáp việc đó, quả sau nhân trước, chẳng sai chút nào. Nhân quả nên xem

ngang hàng với phúc quả công quả, mới có thể tạo thành thạc quả... Cái phúc đối lập với cái họa, phúc hưởng hết thì họa sinh. Công đối lập với quá (lỗi), công kể hết thì quá (lỗi) sinh”, “Đây là chữ quả trong quả nhiên, cũng như nhà Nho nói chữ tất trong tất nhiên. Ví như nhà Nho nói ‘Nhà nào tích trữ điều thiện, tất nhà ấy có thừa phúc, nhà nào tích trữ điều bất thiện, tất nhà ấy có thừa tai ương’. Quả có cái ấy thì được cái ấy, đó tức là quả. Còn thạc quả tức là công quả, phúc quả nói chung. Vì vậy cho nên phúc không nên hưởng hết, công không nên kể hết, quả không nên ăn hết” [3, t.5, tr.399].

Trong “Thu thanh”, một lần nữa tinh thần Nho Phật thống nhất, Tam giáo cùng một nguồn lại được nhấn mạnh trong quan niệm chính trị, xã hội. Tăng Hải Hòa nhất quán với Hải Lượng Thiền sư khi viết: “Khổng Tử dạy: ‘Bốn mùa theo nhau, trăm loài sinh trưởng, trời có nói gì đâu!’ Họ Thích nói: ‘Không biết từ đâu đến, cũng không biết đi về đâu, cho nên gọi là Như Lai’. Cùng với lời của Lão Tử: ‘Thanh tịnh mà dân tự nhiên yên’ là sự thể hiện Tam giáo cùng một nguồn vậy” [3, t.5, tr.301].

Tới “Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh”, tinh thần của Thiền phái Trúc Lâm được kế thừa không phải là những yếu tố kì bí, huyền thoại có khuynh hướng ngày càng rõ nét từ thời Pháp Loa, Huyền Quang. Ngô Thì Nhậm luôn nhấn mạnh tính hiện thực, giản dị. Ông viết: “Nước Nam rất nhiều bậc cao tăng, cũng rất nhiều bậc danh Nho, nhưng các cao tăng thường thích làm những việc quái dị, bí hiểm như bọn Không Lộ, Đại Diên, Đạo Hạnh, Vạn Hạnh pháp thuật rất cao, nay còn truyền lại những việc như vết sét ở cây gạo, in dấu chân ở đỉnh Sóc Sơn, đều là các sư tự làm ra... Những việc như thế, các bậc chân tu không làm, chân tu

như Trúc Lâm tam tổ chưa hề làm cái gì quái gở truyền lại đời sau, cho nên tu pháp không bằng tu đạo, tu thân không bằng tu tâm, nhà nho gọi là tàng tu” [5, t.1, tr.189].

Tinh thần nhập thế trong tư tưởng Thiền học của Ngô Thì Nhậm là một bản chất quan trọng nhất thể hiện ở “Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh”. Ngô Thì Nhậm giải thích rằng ngay các vị đại Bồ tát vô lượng lực cũng không xuất gia và thường xuyên quan tâm đến việc dân, việc nước, họ có cái lực để làm hết thầy. Việc Trần Nhân Tông truyền lại ngôi báu, lên Yên Tử tu hành không phải là hành động xuất gia thuần túy của một Thiền sư, mà còn ở góc độ của một vị quốc trưởng trông coi bờ cõi cho chúng sinh yên ổn. Ông viết: “Nhắm được ngọn núi Yên Tử cao nhất, phía đông nhìn về Yên Quảng, phía bắc liếc sang hai tỉnh Lạng, dựng nên ngôi chùa, thời thường dạo chơi để xem động tĩnh, cốt để ngừa cái mối lo nước ngoài xâm phạm, thật là một vị Vô lượng lực Đại Thế Chí Bồ tát” [5, t.1, tr.101].

4. Tư tưởng về xã hội đại đồng

Ở chương “Thu thanh”, tác giả phần chính văn dẫn lời trong Kinh *Diệu pháp liên hoa* để nêu cao tư tưởng bình đẳng trong giáo lý nhà Phật như sau: “Ta xem hết thầy đều là bình đẳng, không có lòng yêu này ghét nọ. Ta không tham lam và dính mắc, cũng không có gì khiến ta lo ngại và ngăn trở được ta” [3, t.5, tr.224]. Nhưng tác giả thêm tinh thần “đại đồng” của Nho gia vào trong đó: khi viết “Không ngăn trở, đó là cái nghĩa đại đồng của nhà nho vậy”, “Không xuất gia mà giáo hóa trong nước được tạo thành, cho nên Thánh nhân coi thiên hạ là một nhà” [3, t.5, tr.224].

Trong chương “Hoán thanh”, các vấn đề nhân quả, nghiệp báo, luân hồi của Phật giáo được triển khai và lí giải sâu sắc như sau: “Hải Lượng đại thiên sư nói: Người là người, ma là ma, súc sinh là súc sinh. Đồ đệ bạch với thầy rằng: Phật nói người chết thì làm dê, dê chết thì làm người, là thế nào? Thầy trả lời rằng: Nho nói thấy lợn đội bùn, chở ma một xe, thì nhà người cho đó là ma thật, lợn thật hay sao? Mắt vốn sáng mà hoa, tai vốn tỏ mà ù, mắt hoa thì không có bóng, tai ù thì không có vang” [3, t.5, tr.193].

Dù bản lai tự tính của tất cả chúng sinh không khác, nhưng hình thức hiện ra bên ngoài của mỗi loài khác nhau. Đó là do tập nghiệp tạo tác của mỗi loài khác nhau, nhân khác nhau thì quả khác nhau. Nói người là người, ma là ma, súc sinh là súc sinh chính là nói hình tướng thể hiện. *Kinh Dịch* (ở quẻ “Hỏa Trạch Khuê”) có câu “Thấy lợn đội bùn, chở ma một xe”. Câu này được Hải Lượng dùng lại để giải thích những thắc mắc về luân hồi nhân quả theo hướng thực tiễn. Ma với lợn chỉ là hình tướng của chúng sinh sai biệt, còn tất cả đều bình đẳng về Phật tính.

Về luân hồi, tăng Hải Hòa đã giải thích rõ nghĩa cho ẩn ngữ “người có Đạo thì xoay vòng, người không có đạo thì không xoay vòng”, Ông viết: “Kiếp người có sinh có hóa, lúc đầu thì thác vào thai mà sinh ra, sinh ra rồi lớn lên, lớn lên thì già đi, già đi rồi chết, chết rồi nhưng tinh thần không mất, lại thụ hình mà sinh ra. Người ta có nghèo khó, nghèo khó thì phải cần kiệm, cần kiệm thì trở nên phú quý, phú quý thì sinh ra kiêu sa, kiêu sa thì trở lại nghèo khó. Người hữu đạo, sinh ra làm người, không làm điều gì ác, chăm làm mọi điều thiện, khi chết không rơi vào ma chướng, kiếp trước làm người,

kiếp sau cũng làm người, phú quý mà vẫn cần kiệm, giữ khỏi cảnh nghèo, ngày nay phú quý, ngày mai lại phú quý, được xoay vòng như thế...” [3, t.5, tr.390].

Vấn đề luân hồi và vấn đề nhân quả vừa mang tính bản thể, vừa mang tính nhân sinh phức tạp. Giáo lý Phật giáo minh chứng cho hai vấn đề này bằng tứ diệu đế (với vòng thập nhị nhân duyên mô tả sự tác động của luật luân hồi, nhân quả qua một loạt cơ chế phức tạp: nghiệp, chủng tử, a lại da thức...). Rõ ràng, Thiên Phật giáo mà thầy trò Hải Lượng Thiên sư chủ trương là Phật giáo nhập thế, dạy bảo người ta làm điều thiện. Những vấn đề huyền hư, cao sâu của Phật giáo đều được giản lược đi qua các tín điều đạo đức của Nho giáo, khiến chúng trở nên quen thuộc, dễ hiểu, dễ tiếp cận hơn, phục vụ trực tiếp cho quần sinh chứ không hướng về thoát ly, giải thoát sang một cảnh giới khác.

Như vậy, những thanh âm mà thầy trò Hải Lượng muốn gióng lên là những thanh âm nhập thế tích cực, mà vẫn có ý nghĩa giải thoát. Giải thoát ở đây là giải phóng khỏi những bế tắc thời cuộc. Ngô Thi Hoàng nhận định: “Nhân nghĩa đạo đức được phát ra, nghe biết được điều đó thì trong đám lau lách bụi bặm lập tức được mở toang, đó phải chăng là do tiếng thoát của Đạo thiên sư ta chăng” [3, t.5, tr.209].

Tinh thần bình đẳng này không tách rời với nhận thức phá chấp vốn được Thiên tông rất đề cao. Ở đây một nghịch lý được đặt ra giữa Nho với Phật đã được nhóm Hải Lượng chuyển hóa rất sinh động như sau: “Cho nên giết cha mẹ, giết sư sãi chính là cái nghĩa bình đẳng trước nhất của nhà Phật” [3, t.5, tr.200]. Phát ngôn này dưới nhãn quan của một nhà nho thuần túy là

điều khó chấp nhận. Bùi Dương Lịch, một danh sĩ trong Đạp lại lời biện thuyết về Phật và Lão của Ngô Thì Nhậm, đã phản ứng gay gắt: “Nhà Phật bảo giết mẹ, giết những người sư làm hại, tức là chỗ khắc phục, tôi thật không hiểu. Đặt lời giáo huấn để dạy người, thì tại sao lại dùng những lời mờ tối ấy. Nếu cần dùng những lời mờ tối thì tại sao lại dùng những câu ghê rợn như vậy? Tôi sợ đó không phải là những câu mà người con hiếu hay người nhân muốn nghe” [3, t.5, tr.20]. Không rõ ở đây Bùi Dương Lịch hiểu nhầm thật hay cố tình không chấp nhận phương thức giáo huấn này của Phật gia. Sơ tổ Đạt Ma từng phủ nhận toàn bộ công lao lập chùa, độ tăng, cúng dường Tam bảo, giảng kinh thuyết pháp của vua Lương Võ Đế. Những bộ kinh Đại thừa, ngữ lục có ảnh hưởng đến dòng Thiền Trúc Lâm (như: *Lăng già, Kim Cương, Duy ma cật, Pháp bảo đàn, Lâm Tế ngữ lục...*) đều chủ trương tinh thần triệt để vô chấp, vô trụ. Nguồn gốc của những câu này trong Lâm Tế ngữ lục như sau: “Này các đạo lưu, nếu các ông muốn được kiến giải chân chính thì đừng sợ người ta mê hoặc. Quay vào bên trong, nhìn ra bên ngoài, gặp gì giết đó: gặp Phật giết Phật, gặp Tổ giết Tổ, gặp La hán giết La hán, gặp cha mẹ giết cha mẹ, gặp người thân giết người thân. Như thế mới được giải thoát, không bị vật câu thúc, ung dung tự tại” [7, tr.66]. Thiền tông đưa ra nghịch lý giết cả những đối tượng tôn quý nhất, nhưng cần hiểu là “giết” về mặt nhận thức, ý thức, giết cái Tâm còn chấp trước. Kinh “Kim cương” của Thiền tông cũng chủ trương: “Ứng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm”, không dựa vào, không chấp trước bất cứ thứ gì mới là Tâm giải thoát. Hải Hòa tăng đã bổ sung thêm cho vấn đề này như

sau: “Trong thế gian, hết thấy mọi sự mọi vật, đều được coi là bình đẳng, tinh tiến không bao giờ ngơi, thì thành được Phật đạo. Không như không sạch, không thêm không bớt, lìa hẳn được mọi nỗi khổ đau, đó là cái pháp môn cao bậc nhất để phá địa ngục” [3, t.5, tr.214], “Khi người ta được minh tâm thì tâm vốn là hư không, khi người ta được kiến tính thì tính không dựa dẫm nữa” [3, t.5, tr.213]. “Chỉ vì chúng sinh từ bi, chìm đắm trong bể ái, tham lam luyến tiếc chẳng thôi, giành lấy quá nhiều... Phạm tội ác như thế thì sa xuống địa ngục... Trái lại, nếu biết cho cạn lẽ, bỏ cho dứt khoát, không bị từ bi làm khốn, có gì phải sa xuống địa ngục?” [3, t.5, tr.214]. Hải Lượng Thiền sư khẳng định: “Hữu Ngu thị không từ bi, Phật Thích Ca cũng không từ bi, cho nên phá được địa ngục. Nếu chúng sinh không từ bi, thì tức là không bị đầy đọa xuống địa ngục” [3, t.5, tr.211].

Như vậy, có thể thấy nhóm của Hải Lượng xuất thân từ nhà nho, lui ẩn vẫn là nhà nho. Tuy học có tự xưng là Thiền sư, nhưng Thiền của họ là một thứ Thiền vô cùng nhập thế, không chú trọng vào những vấn đề huyền hư. Nếu có phải nói đến những phạm trù cao sâu, thì họ nói để làm tăng thêm cơ sở lý luận cho hành động nhập thế của mình mà thôi.

Tông chỉ cuối cùng mà “Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh” muốn nói tới chính là vì mục đích “thiên hạ hòa bình”, dù theo Lê Trịnh hay Tây Sơn, dù là Nho hay là Phật, vẫn chỉ là một cái Lý đó. Cái một này là tông chỉ của “Đại chân Viên giác thanh”, cũng là giá trị của tác phẩm. Dẫu rằng nhóm của Thiền sư Hải Lượng không còn dần thân trong tư cách các nhà nho được trọng dụng, thì họ vẫn mong mỗi giống lên

lời kêu gọi, thanh âm nhập thế trong tư cách những Thiền sư nhập thế.

5. Kết luận

“Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh” là sản phẩm của hiện trạng đất nước nội chiến triền miên, các tập đoàn chính trị chia năm xẻ bảy đất nước. Ý thức hệ Nho giáo, vốn không giúp giữ gìn được cục diện đất nước trong ổn định, khiến cho một nhóm trí thức Nho sĩ đau đầu với thời cuộc bị lâm vào khủng hoảng về mặt ý thức. Tìm ra một hướng đi phù hợp nhất với thời cuộc, tìm lời giải cho những bế tắc thời đại buộc họ, những đầu óc bác học nhất đương thời, phải trở lại vận dụng những tư tưởng từng phát huy vai trò cổ kết nhân tâm mạnh mẽ trong lịch sử, đó không phải là Phật giáo thuần túy mà là Phật giáo Trúc Lâm - một dòng Thiền nhập thế tích cực từng được lựa chọn là ý thức hệ của cả dân tộc, trong một thời đại đáng tự hào nhất trong lịch sử là giai đoạn Lý Trần.

Thiền phái Trúc Lâm được ra đời với vai trò là một ý thức hệ thống nhất tư tưởng, tôn giáo cho triều đại nhà Trần. Các vị Tam tổ Trúc Lâm chủ trương nhập thế, xây dựng và phát triển đất nước bằng từ bi, trí tuệ và đạo đức của Phật giáo. Các vị đó đã biết kết hợp nhuần nhuyễn triết học siêu nhiên của Phật giáo với nhân sinh quan Nho giáo và vũ trụ quan của Lão giáo; lấy lợi ích dân tộc và lợi ích chúng sinh làm mục tiêu căn bản trong quá trình tu tập và thực hành Phật sự của mỗi cá nhân.

Để có thể sáng tạo nên một dòng Thiền mang tinh thần thời đại trong một điều kiện, hoàn cảnh lịch sử mới, những yếu tố nhập

thế tích cực của Phật giáo Trúc Lâm lại một lần nữa được làm sống lại dưới tinh thần trách nhiệm xã hội, công nghiệp trị bình của Nho giáo. Ngô Thì Nhậm là người tinh thông kinh điển cả Nho lẫn Phật, có sự hiểu thấu đáo, nhuần nhuyễn cả giáo lý của Nho gia lẫn Thiền gia, nên tiến hành sự hợp nhất suôn sẻ hai thực thể tư tưởng có nhiều khác biệt. Quả thực, “Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh” không phải là sự lắp ghép tùy tiện của các tư tưởng; ở đó nhiều tư tưởng đặc sắc, uyên áo của cả Nho giáo lẫn Phật giáo đã được Ngô Thì Nhậm diễn đạt tài tình. Chắc chắn, ông phải có những trải nghiệm nhân sinh sâu sắc mới có thể viết được những chủ đề vừa gai góc, vừa cao siêu lại vừa hiện thực như vậy.

Những yếu tố tích cực nhất của cả ba tôn giáo đều được huy động để tạo nên một tư duy chính trị, xã hội sâu sắc, độc đáo (lấy nhân quả, vô vi nhi trị để cai trị đất nước; con người lý tưởng là Bồ tát hành đạo; biết diệt nhân dục, tu thập nghĩa, xã hội khuyến thiện, bình đẳng, v.v..). Đem các tín điều của Nho gia “gia cố” thêm cho tính thực tiễn, nhập thế của Phật giáo, hay “Nho giáo hóa Phật giáo”, đem cái Tâm nhập thế truyền thụ cho nhau khiến cho “tám bộ Phạn vương Phật không ra khỏi cung tường của Tổ vương Khổng Tử”; đó có lẽ là mục đích, biện pháp tu tập, phương pháp hành trì của dòng Thiền mới này. Những vấn đề siêu hình học và nhận thức luận của Phật giáo, hay của Thiền tông cũng bị mất đi rất nhiều tính chất trừu tượng, siêu nghiệm để hạ cánh xuống miền đất hiện thực của Nho giáo. Đương nhiên, với những lời lẽ ẩn dụ không dễ hiểu theo công án thì quần chúng không dễ tiếp cận và cũng như hiểu và thực thi. Có lẽ, tác phẩm này được viết ra với

mục đích chính là đáp ứng nhu cầu khai phóng tư tưởng cho bộ phận trí thức cao như nhóm Nho sĩ Bắc Hà (Ngô Thì Nhậm, Phan Huy Ích, v.v.). Ngô Thì Nhậm và “Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh”, đã đóng góp mới cho tư duy chính trị, xã hội Việt Nam thế kỷ XVIII.

Chú thích

² Theo *Lễ ký*, thiên “Lễ vận”, Thập nghĩa là 10 yêu cầu tu thân của con người trong mọi mối quan hệ xã hội: cha phải từ, con phải hiếu, anh phải nhường nhịn, em phải kính trọng, chồng phải có nghĩa, vợ phải nghe lời chồng, người lớn phải độ lượng, người nhỏ phải phục tùng, vua phải nhân từ, tôi phải trung.

Tài liệu tham khảo

- [1] Đoàn Trung Còn (1950), *Mạnh Tử*, Nxb Trí Đức Tòng Thư, Sài Gòn.
- [2] Daisetz Teitaro Suzuki (1992), *Thiền luận*, 3 tập, Nxb Tp. Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.
- [3] Lâm Giang (Chủ biên) (2006), *Ngô Thì Nhậm toàn tập*, t.5, “Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh”, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [4] Nguyễn Hiền (2009), *Lục Tổ Huệ Năng giảng nghĩa kinh Kim Cương Bát nhã Ba la mật đa*, Nxb Phương Đông, Cà Mau.
- [5] Cao Xuân Huy (1978), *Thơ Văn Ngô Thì Nhậm*, t.1, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [6] Nguyễn Hiền Lê (1993), *Mạnh Tử*, Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.
- [7] *Lâm Tế ngữ lục*, Nhà in Từ Ân Thiền đường Hoa Kỳ, California,.
- [8] Nhữ Nguyên (1996), *Lễ ký*, Nxb Đồng Nai, Đồng Nai.
- [9] Nguyễn Tài Thư (Chủ biên) (1992), *Lịch sử tư tưởng Việt Nam*, t.1, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [10] www.daotrangphaphoa.net.